

BÀI TẬP THAM KHẢO

Bài 1:

Tính thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu của một Công ty Kinh doanh Xuất nhập khẩu có các tài liệu như sau:

- (1) Trực tiếp xuất khẩu lô hàng hóa A gồm 5.000 sản phẩm (sp), theo hợp đồng giá FOB là 3 USD/sp, tỷ giá tính thuế là 20.150 đồng/USD.
- (2) Nhận nhập khẩu ủy thác lô hàng hoá B với tổng trị giá mua theo giá CIF 30.000 USD, tỷ giá tính thuế là 20.200 đồng/USD.
- (3) Nhập khẩu 2.000 sản phẩm C, giá hợp đồng theo giá FOB là 8 USD/sản phẩm, phí vận chuyển và bảo hiểm quốc tế (I + F) là 0,5 USD/sp, tỷ giá tính thuế là 20.200 đồng/USD.
- (4) Trực tiếp xuất khẩu 8.000 sản phẩm D theo điều kiện CIF là 5 USD/sản phẩm, phí vận chuyển và bảo hiểm quốc tế (I + F) là 5.000 đồng/sản phẩm, tỷ giá tính thuế là 20.300 đồng/USD.
- (5) Nhập khẩu nguyên vật liệu E để gia công cho phía nước ngoài theo hợp đồng gia công đã ký, trị giá lô hàng theo điều kiện CIF qui ra tiền Việt Nam là 300.000.000 đồng.

Biết rằng:

- Thuế suất thuế xuất khẩu hàng A là 2%, thuế suất thuế nhập khẩu hàng B, E là 10%, thuế suất thuế nhập khẩu hàng C là 20%, thuế suất thuế xuất khẩu hàng D là 1%.

Bài 2:

Tại một Công ty Xuất nhập khẩu Z, trong kỳ có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau:

- (1) Nhập khẩu 3 lô hàng đều có xuất xứ từ nước H, cả 3 lô hàng đều mua theo điều kiện FOB, tổng chi phí chuyên chở cho cả 3 lô hàng từ cảng nước H đến cảng Việt Nam là 6.000 USD.

- Lô hàng A có tổng trị giá 15.000 USD, được mua bảo hiểm với giá 2% giá FOB.

- Lô hàng B gồm 10.000 sản phẩm, đơn giá 4 USD/sản phẩm, được mua bảo hiểm với giá 1,5% giá FOB.

- Lô hàng C gồm 1.500 sản phẩm, đơn giá 90 USD/sản phẩm, được mua bảo hiểm với giá 1% giá FOB.

Tỷ giá tính thuế nhập khẩu là 20.500 đồng/USD. Thuế suất thuế nhập khẩu hàng A: 10%, hàng B: 15%, hàng C: 20%.

(2) Công ty ký hợp đồng nhận gia công cho nước ngoài, theo hợp đồng Công ty nhập khẩu 50.000 kg nguyên liệu theo giá CIF là qui ra Đồng Việt Nam là 20.000 đồng/kg. Theo định mức được giao thì phía Việt Nam phải hoàn thành 5.000 thành phẩm (tp) từ số nguyên liệu nói trên. Tuy nhiên, khi giao hàng thì có 1.000 thành phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng nên bên nước ngoài trả lại phải tiêu dùng nội địa. Biết rằng thuế suất thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu là 10%, thuế suất thuế xuất khẩu đối với thành phẩm là 2%, trị giá tính thuế nhập khẩu được xác định theo phương pháp thứ nhất.

Yêu cầu: Xác định các thuế xuất nhập, nhập khẩu mà Công ty Xuất nhập khẩu Z phải nộp trong kỳ.

Bài 3:

Tại một Công ty kinh doanh xuất nhập khẩu J, trong kỳ có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau:

(1) Nhập khẩu 12.000 sản phẩm N theo giá CIF qui ra đồng Việt Nam là 50.000 đồng/sản phẩm (sp). Theo biên bản giám định của các cơ quan chức năng có 2.000 sản phẩm bị hỏng hoàn toàn do thiên tai trong quá trình vận chuyển.

(2) Nhập khẩu 3.000 sản phẩm M theo giá CIF là 3 USD/sản phẩm (sp). Qua kiểm tra Hải Quan xác định thiếu 300 sản phẩm. Tỷ giá tính thuế là 20.200 đồng/USD.

(3) Xuất khẩu 200 tấn sản phẩm P, giá xuất bán tại kho là 4.000.000 đồng/tấn, chi phí vận chuyển từ kho đến cảng là 200.000 đồng/tấn.

Xác định thuế xuất khẩu, nhập khẩu ở từng nghiệp vụ nêu trên và tổng số thuế phải nộp trong kỳ của Công ty J.

Biết rằng:

- Thuế suất thuế nhập khẩu sản phẩm N là 10%, M là 15%.
- Thuế suất thuế xuất khẩu sản phẩm P là 2%.

Bài 4:

Tính thuế Tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) phải nộp trong kỳ của một Công ty sản xuất có các tài liệu như sau:

(1) Nhập khẩu 900 lít rượu 42° để sản xuất 250.000 đơn vị sản phẩm A (A thuộc diện nộp thuế TTĐB), giá tính thuế nhập khẩu là 32.000 đồng/lít; thuế suất thuế nhập khẩu là 65%.

(2) Xuất khẩu 150.000 sản phẩm A theo giá FOB là 250.000 đ/sản phẩm.

(3) Bán trong nước 100.000 sản phẩm A với đơn giá chưa có thuế GTGT là 295.750 đồng/sản phẩm.

Biết rằng: Thuế suất thuế TTĐB của rượu 42° là 65%, sản phẩm A là 30%

Bài 5:

Tại nhà máy thuốc lá K, tháng có các số liệu sau:

Nhà máy thuốc lá K nhập khẩu thuốc lá đã cắt thành sợi để làm nguyên liệu sản xuất thuốc lá điếu có đầu lọc. Tổng giá trị hàng nhập khẩu theo điều kiện CIF quy ra tiền Việt nam là 16 tỷ đồng, nhà máy sử dụng 60% nguyên liệu đưa vào chế biến tạo ra 300.000 cây thuốc lá thành phẩm.

Nhà máy xuất khẩu 180.000 cây thuốc lá thành phẩm với giá CIF quy ra tiền Việt Nam là 78.000 đồng/cây thuốc thành phẩm, bán trong nước 50.000 cây thuốc lá thành phẩm với giá chưa thuế GTGT là 90.750 đồng/ cây thuốc thành phẩm. Xác định các loại thuế: nhập khẩu, xuất khẩu, tiêu thụ đặc biệt, các thuế được hoàn (nếu có) liên quan cho nhà máy K.

Biết rằng:

- Thuế suất của thuế xuất khẩu là 2%.
- Thuế suất của thuế nhập khẩu là 30%.
- Thuế suất thuế TTĐB của thuốc lá là 65%.
- Phí bảo hiểm và vận chuyển quốc tế chiếm 2% CIF.

Bài 6:

Trong tháng 12/20xx, tại một doanh nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng có các số liệu sau:

1) Hàng hóa, dịch vụ mua vào trong tháng:

a) Đề sử dụng cho SPA:

- Mua từ Công ty X: 15.000 kg nguyên liệu với giá chưa thuế GTGT là 75.000 đồng/kg.
- Mua từ Công ty Y theo Hóa đơn GTGT, tiền thuế GTGT là 380 triệu đồng.
- Tập hợp các Hóa đơn bán hàng trong tháng, trị giá hàng hóa dịch vụ mua vào là 520 triệu đồng.

b) Để sử dụng cho SPB:

- Mua từ Công ty M: trị giá hàng hóa dịch vụ mua vào chưa thuế GTGT là 120 triệu đồng.
- Mua từ Công ty N: trị giá hàng hóa dịch vụ mua vào bao gồm thuế GTGT là 330 triệu đồng.
- Tập hợp các Hóa đơn bán hàng trong tháng, trị giá hàng hóa dịch vụ mua vào 350 triệu đồng.

c) Để sử dụng chung cho sản xuất 2 sản phẩm A và B.

- Tập hợp các Hóa đơn GTGT, trị giá hàng hóa dịch vụ mua vào chưa thuế GTGT là 510 triệu đồng.

2) Tiêu thụ sản phẩm trong tháng:

a) Sản phẩm A: Giá bán chưa có T.GTGT.

- Bán cho Công ty Thương Mại An Khánh 120.000 sản phẩm (sp), giá bán 130.000 đồng/sản phẩm (đ/sp).
- Trực tiếp xuất khẩu 24.000sp, với giá FOB 135.000đ/sp.
- Bán cho doanh nghiệp chế xuất 5.000 sp, với giá 120.000 đ/sp.

b) Sản phẩm B : Giá bán đã có T.GTGT.

- Bán qua các đại lý bán lẻ 60.000sp, giá bán 132.000đ/sp.
- Bán cho Công ty Xuất nhập khẩu X 5.000sp, giá bán 110.000đ/sp.
- Trực tiếp xuất khẩu 20.000sp, với giá FOB 130.000đ/sp

Biết rằng:

Thuế suất thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào, bán ra là 10%.

Yêu cầu: Xác định thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp trong tháng.

Bài 7:

Tại Công ty Thương mại H, trong kỳ tính thuế có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau:

I/. Mua hàng:

(1) Đối với sản phẩm A: Mua 10.000 sản phẩm (sp) với giá chưa thuế GTGT là 32.000 đồng/sản phẩm (đ/sp).

(2) Đối với sản phẩm B: Mua 3.000 sản phẩm với giá có thuế GTGT là 55.000 đồng/sản phẩm, 2.000 sản phẩm với giá chưa thuế GTGT là 52.000 đồng/sản phẩm.

(3) Đối với sản phẩm C: Mua của một doanh nghiệp chế xuất 6.000 sản phẩm với giá 70.000 đồng/sản phẩm, của Công ty TNHH X 2.000 sản phẩm với giá chưa thuế GTGT là 80.000 đồng/sản phẩm.

II/. Tiêu thụ:

(1) Đối với sản phẩm A: Bán lẻ 5.000 sản phẩm với giá có thuế GTGT là 44.000 đồng/sản phẩm, 3.000 sản phẩm với giá chưa thuế GTGT là 35.000 đồng/sản phẩm.

(2) Đối với sản phẩm B: Xuất khẩu ra nước ngoài theo giá FOB 4.000 sản phẩm với giá 70.000 đồng/sản phẩm, và bán trong nước 1.000 sản phẩm với giá chưa thuế GTGT là 60.000 đồng/sản phẩm.

(3) Đối với sản phẩm C: Bán cho các siêu thị trong nước 5.000 sản phẩm với giá như sau: 2.000 sản phẩm giá chưa thuế GTGT là 90.000 đồng/sản phẩm, 3.000 sản phẩm với giá chưa thuế GTGT là 92.000 đồng/sản phẩm .

Yêu cầu: Xác định thuế NK, XK, GTGT phải nộp của Công ty Thương mại H.

Biết rằng:

- Công ty nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế.
- Thuế GTGT của các mặt hàng là 10%.
- Các sản phẩm A, B, C không thuộc diện nộp thuế TTĐB.
- Thuế nhập khẩu sản phẩm C là 10%.
- Thuế xuất khẩu sản phẩm B là 2%.

Bài 8:

Tại Công ty K, trong tháng 09/20xx có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau:

(1) Xuất khẩu một lô hàng A theo điều kiện FOB có trị giá 500 triệu đồng, thuế suất thuế xuất khẩu 2%.

(2) Làm đại lý tiêu thụ sản phẩm B cho một Công ty TNHH trong nước, giá bán theo qui định chưa có thuế GTGT là 50.000 đồng/sản phẩm, hoa hồng được hưởng là 5% trên giá bán chưa thuế GTGT, trong kỳ Công ty K đã tiêu thụ được 10.000 sản phẩm.

(3) Nhận xuất khẩu ủy thác một lô hàng C theo điều kiện FOB có trị giá 600 triệu đồng, hoa hồng ủy thác được hưởng là 3% trên giá FOB.

(4) Bán cho Doanh nghiệp L một lô hàng D với giá chưa thuế GTGT là 200 triệu đồng, thuế GTGT là 10%, nhưng khi viết hóa đơn kế toán đã ghi gộp giá bán là 220 triệu đồng (không ghi tách riêng giá chưa thuế GTGT và thuế GTGT).

(5) Dùng 100 sản phẩm E để trao đổi với một cơ sở kinh doanh M lấy sản phẩm F, giá bán chưa có thuế GTGT của sản phẩm E cùng thời điểm phát sinh hoạt động trao đổi là 120.000 đ/sp.

(6) Thuê một Công ty ở nước ngoài sửa chữa một hệ thống sản xuất với giá thanh toán theo hợp đồng qui ra Đồng Việt Nam là 300 triệu đồng.

(7) Bán trả góp cho Công ty N một lô hàng, giá bán trả góp chưa thuế là 300 triệu đồng trả trong vòng 3 năm, giá bán trả ngay là 250 triệu đồng.

Yêu cầu: Xác định thuế GTGT phát sinh ở từng nghiệp vụ nêu trên và thuế GTGT phải nộp trong tháng 09/20xx của Công ty K.

Biết rằng:

- Công ty nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế.
- Thuế GTGT của các hàng hóa và dịch vụ là 10%.
- Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ trong kỳ là 50 triệu đồng.

Bài 9:

Tại công ty sản xuất rượu bia Beta, trong kỳ tính thuế có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau:

(1) Nhập khẩu 405 chai rượu 40⁰ theo giá CIF qui ra đồng Việt Nam là 400.000 đồng/chai. Công ty sử dụng toàn bộ số rượu này cùng với các nguyên liệu khác (không chịu thuế TTĐB) mua trong nước đưa vào sản xuất và thu được 60.000 chai rượu Beta 30⁰

(2) Công ty Beta bán cho doanh nghiệp Z thuộc khu chế xuất Tân Thuận 40.000 chai rượu Beta 30⁰ với giá là 70.000 đồng/chai.

(3) Công ty Beta gửi bán tại đại lý Bình Minh 16.000 chai rượu Beta 30⁰ với giá bán theo qui định chưa có thuế GTGT là 84.500 đồng/chai. Cuối kỳ tại đại lý còn tồn kho 1.000 chai.

(4) Trực tiếp xuất khẩu ra nước ngoài 3.000 chai rượu Beta 30⁰ theo điều kiện FOB với giá là 4 USD/chai. Tỷ giá tính thuế 21.000 đồng/USD

Yêu cầu:

- 1) Tính các thuế Công ty Beta phải nộp ở khâu nhập khẩu rượu chai 40⁰.
- 2) Tính các thuế Công ty Beta phải nộp, được hoàn hoặc được khấu trừ (nếu có) ở khâu bán cho doanh nghiệp Z thuộc khu chế xuất Tân Thuận rượu Beta 30⁰.

- 3) Tính các thuế Công ty Beta phải nộp, được hoàn hoặc được khấu trừ (nếu có) ở khâu gửi bán đại lý rượu Beta 30⁰.
- 4) Tính các thuế Công ty Beta phải nộp, được hoàn hoặc được khấu trừ (nếu có) ở khâu xuất khẩu rượu Beta 30⁰.
- 5) Tính thuế GTGT Công ty Beta phải nộp cuối kỳ.
- 6) Tính thuế TTĐB Công ty Beta phải nộp cuối kỳ.

Biết rằng:

- Thuế nhập khẩu rượu 40⁰ là 65%.
- Thuế xuất khẩu rượu 30⁰ là 2%.
- Thuế TTĐB rượu 40⁰ là 65%, rượu 30⁰ là 30%.
- Thuế GTGT của các mặt hàng đều 10%.
- Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ trong kỳ là 200,6 triệu đồng
- Giá tính thuế nhập khẩu được xác định theo phương pháp thứ nhất.

Bài 10:

Tại công ty sản xuất – thương mại ABC trong kỳ tính thuế có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau:

- (1) Bán cho Công ty thương mại X tại TP. Hồ Chí Minh 100.000 sản phẩm, với giá chưa thuế GTGT là 220.000 đồng/sản phẩm.
- (2) Trực tiếp xuất khẩu ra nước ngoài 50.000 sản phẩm theo điều kiện CIF với giá 240.000 đồng/sản phẩm, phí vận chuyển (F) và bảo hiểm quốc tế (I) là 2% giá CIF.
- (3) Bán cho doanh nghiệp Y thuộc khu chế xuất Linh Trung 150.000 sản phẩm với giá 15 USD/sản phẩm, tỷ giá tính thuế là 20.000 đồng/USD.
- (4) Bán cho Siêu thị Z tại TP. Hồ Chí Minh 80.000 sản phẩm với giá bao gồm thuế GTGT là 231.000 đồng/sản phẩm
- (5) Trực tiếp xuất khẩu ra nước ngoài 20.000 sản phẩm theo điều kiện FOB với giá 230.000 đồng/sản phẩm.
- (6) Nhận gia công trực tiếp cho nước ngoài 100.000 sản phẩm, giá gia công 10.000 đồng/sản phẩm, trong kỳ công ty chỉ hoàn thành 80% và thành phẩm đã xuất trả cho nước ngoài.

Yêu cầu:

- a) Tính các thuế Công ty ABC phải nộp ở từng nghiệp vụ nêu trên.
- b) Tính thuế GTGT Công ty ABC phải nộp cuối kỳ.
- c) Tính thuế TNDN Công ty ABC phải nộp cuối kỳ.

Biết rằng:

- Các sản phẩm trên không chịu thuế TTĐB
- Thuế xuất khẩu là 2%.
- Thuế GTGT của các mặt hàng đều 10%.
- Thuế TNDN 20%.
- Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ trong kỳ là 3.260 triệu đồng
- Khoản lỗ kết chuyển vào thu nhập chịu thuế năm nay là 100 triệu đồng.
- Công ty không trích lập quỹ khoa học công nghệ.

Tổng chi phí được trừ trong kỳ (chưa kể thuế XK, phí vận chuyển và bảo hiểm quốc tế) là 80.268 triệu đồng.

Bài 11:

Tại công ty sản xuất – thương mại XYZ trong kỳ tính thuế có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau:

- (1) Xuất cho đại lý bán lẻ A tại Vũng Tàu 50.000 sản phẩm, với giá theo hợp đồng đại lý chưa thuế GTGT là 150.000 đồng/sản phẩm. Trong kỳ đại lý đã bán hết 50.000 sản phẩm trên.
- (2) Trực tiếp xuất khẩu ra nước ngoài 100.000 sản phẩm theo điều kiện FOB với giá 170.000 đồng/sản phẩm.
- (3) Bán cho doanh nghiệp B thuộc khu chế xuất Linh Trung 80.000 sản phẩm với giá 10 USD/sản phẩm, tỷ giá tính thuế là 20.000 đồng/USD.
- (4) Bán cho Công ty Thương mại C tại Bình Dương 20.000 sản phẩm với giá bao gồm thuế GTGT là 154.000 đồng/sản phẩm
- (5) Trực tiếp xuất khẩu ra nước ngoài 50.000 sản phẩm theo điều kiện CIF với giá 10 USD/sản phẩm, phí vận chuyển (F) và bảo hiểm quốc tế (I) là 2% giá CIF, tỷ giá tính thuế là 20.200 đồng/USD.

(6) Nhận gia công trực tiếp cho Doanh nghiệp D thuộc khu chế xuất Tân Thuận 150.000 sản phẩm, giá gia công 10.000 đồng/sản phẩm, trong kỳ công ty chỉ hoàn thành 70% và thành phẩm đã xuất trả.

Yêu cầu:

- a) Tính các thuế Công ty XYZ phải nộp ở từng nghiệp vụ nêu trên.
- b) Tính thuế GTGT Công ty XYZ phải nộp cuối kỳ.
- c) Tính thuế TNDN Công ty XYZ phải nộp cuối kỳ.

Biết rằng:

- Các sản phẩm trên không chịu thuế TTĐB
- Thuế xuất khẩu là 2%.
- Thuế GTGT của các mặt hàng đều 10%.
- Thuế TNDN 20%.
- Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ trong kỳ là 1.180 triệu đồng
- Công ty trích lập quỹ khoa học công nghệ theo qui định (10% thu nhập tính thuế)
- Tổng chi phí được trừ trong kỳ (chưa kể thuế XK, phí vận chuyển và bảo hiểm quốc tế) là 39.980 triệu đồng.

Bài 12:

Ông Nguyễn Tùng Vinh làm việc ở TP.Hồ Chí Minh có thu nhập từ lương (sau khi trừ các khoản bảo hiểm bắt buộc) tháng 1/20xx là 45.000.000 đồng. Cũng trong tháng 1/20xx, Ông Vinh trúng thưởng khuyến mãi một chiếc xe gắn máy có trị giá 30.000.000 đồng. Tính thuế thu nhập cá nhân mà Ông Vinh phải nộp, số tiền thực tế mà Ông Vinh nhận được trong tháng 1/20xx.

Biết rằng : Ông Vinh là người độc thân, không có người phụ thuộc phải nuôi dưỡng, không tham gia đóng góp các khoản từ thiện, nhân đạo, khuyến học.

Bài 13:

Ông Nguyễn Duy Hưng làm việc tại Công ty ABC và có thu nhập trong tháng 12/20xx như sau:

- 1) Tiền lương : 15.000.000 đồng (sau khi trừ các khoản bảo hiểm bắt buộc)
- 2) Tiền thưởng từ Công ty do Ông có phát minh, cải tiến kỹ thuật: 5.000.000 đồng.

- 3) Tiền thưởng nhân dịp lễ Tết: 1.000.000 đồng.
- 4) Trợ cấp tiền xăng đi lại làm việc: 500.000 đồng.
- 5) Tiền thưởng nhân dịp thành lập Công ty: 2.000.000 đồng.
- 6) Lãi tiền gửi tại Ngân hàng Ngoại Thương: 1.000.000 đồng.

Tính thuế thu nhập cá nhân mà Ông Hưng phải nộp, số tiền thực tế mà Ông nhận được.

Biết rằng : Ông Hưng nuôi 01 con 02 tuổi, 01 vợ trong độ tuổi lao động ở nhà nội trợ, 01 người phụ giúp việc nhà ngoài tuổi lao động.